

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Nguyễn Minh Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài hợp nhất bán niên 2020 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 12/08/2020 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.
7. Nội dung giải trình:
  - 7.1 BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2020 giảm 50% so với cùng kỳ do: Doanh thu bán niên 2020 giảm 45% so với cùng kỳ, Giá vốn hàng bán giảm 46% so với cùng kỳ, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 26% so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính tăng 33% so với cùng kỳ.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**NGUYỄN MINH NGỌC**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 37

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2020 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh**

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

### ***Nhân sự***

Tổng số công nhân viên đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

### ***Hội đồng quản trị***

- |                        |          |                              |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh   | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019     |
| • Ông Ngô Anh Phương   | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019     |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên  | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019     |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà  | Ủy viên  | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |

### ***Ban Kiểm soát***

- |                          |            |                              |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019     |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo  | Ủy viên    | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019     |

### ***Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng***

- |                            |                   |                              |
|----------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Ái Bình       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2019     |
| • Ông Ngô Trọng Vinh       | Phó Giám đốc      | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014     |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Công ty là Ông Nguyễn Ái Bình ký Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền Số 271/QĐ – TC ngày 15/08/2019.

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Ái Bình**

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 921/2020/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 12/08/2020 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 37 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKKD kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2020

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Ngày 30 tháng 06 năm 2020**

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>111.137.755.333</b>	<b>75.994.708.330</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.661.472.494</b>	<b>19.452.998.195</b>
1. Tiền	111		5.661.472.494	7.308.531.937
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	12.144.466.258
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.617.289.887</b>	<b>5.020.723.617</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.486.543.092	5.486.543.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(669.253.205)	(465.819.475)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	7.800.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.661.809.638</b>	<b>29.878.945.410</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	33.671.820.221	14.752.449.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	7.436.720.533	4.852.727.685
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	11.000.000.000	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	1.556.525.413	1.300.172.836
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(1.003.603.730)	(1.026.404.132)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		347.201	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>39.997.004.075</b>	<b>21.350.862.871</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.997.004.075	21.361.048.405
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(10.185.534)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>200.179.239</b>	<b>291.178.237</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	24.001.136	29.175.432
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	136.587.241	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	39.590.862	262.002.805
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>22.082.548.607</b>	<b>21.922.475.016</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.229.763.703</b>	<b>12.941.385.747</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	16	6.761.606.831	6.473.228.875
- Nguyên giá	222		15.633.711.577	15.024.857.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.872.104.746)	(8.551.628.158)
2. Tài sản cố định vô hình	227	17	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.700.000)	(77.700.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>538.933.031</b>	<b>429.842.122</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	538.933.031	429.842.122
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.516.244.306</b>	<b>1.516.244.306</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(483.755.694)	(483.755.694)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.797.607.567</b>	<b>7.035.002.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	6.053.728.818	6.225.187.412
2. Lợi thế thương mại	269		743.878.749	809.815.429
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>133.220.303.940</b>	<b>97.917.183.346</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>67.464.104.917</b>	<b>33.202.091.149</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>63.915.678.567</b>	<b>32.628.843.799</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	36.007.540.236	19.404.687.159
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	320.810.794	3.981.223.694
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15	155.743.161	328.700.208
4. Phải trả người lao động	314		5.857.647.172	6.413.039.571
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.517.909.488	2.450.004.739
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	20.230.878.274	237.658.986
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	52.200.000	52.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(227.050.558)	(238.970.558)
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.548.426.350</b>	<b>573.247.350</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	68.747.350	470.747.350
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	3.479.679.000	102.500.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.756.199.023</b>	<b>64.715.092.197</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>65.756.199.023</b>	<b>64.715.092.197</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	24	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	2.248.038.395	2.248.038.395
3. Cổ phiếu quỹ	415	24	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	5.103.942.015	5.103.942.015
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	6.248.629.029	5.496.043.467
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.496.043.467	5.681.818.108
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		752.585.562	(185.774.641)
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.465.463.488	11.176.942.224
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>133.220.303.940</b>	<b>97.917.183.346</b>

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ai Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	25	47.003.994.907	85.039.140.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	389.565.338	964.892.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		46.614.429.569	84.074.247.622
4. Giá vốn hàng bán	11	27	38.374.436.107	71.615.488.367
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>8.239.993.462</b>	<b>12.458.759.255</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.017.253.742	765.336.170
7. Chi phí tài chính	22	29	210.912.912	329.135.147
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.479.182	64.595.616
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	30.a	4.170.005.702	5.476.962.605
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	3.619.776.914	5.025.268.175
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.256.551.676</b>	<b>2.392.729.498</b>
12. Thu nhập khác	31		66.767.448	68.756.327
13. Chi phí khác	32	31	70.482.837	78.993.946
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(3.715.389)</b>	<b>(10.237.619)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.252.836.287</b>	<b>2.382.491.879</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	211.729.461	309.830.010
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.041.106.826</b>	<b>2.072.661.869</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		752.585.562	1.498.630.390
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		288.521.264	574.031.479
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	186	371
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	186	371

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2020 VND	2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.252.836.287	2.382.491.879
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí thuê đất	02	449.373.764	490.056.185
- Các khoản dự phòng	03	170.447.794	405.190.469
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.017.253.742)	(756.139.370)
- Chi phí lãi vay	06	7.479.182	64.595.616
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	862.883.285	2.586.194.779
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.535.866.975)	(17.410.673.402)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.635.955.670)	(11.992.710.975)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.500.404.691	28.531.916.923
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	113.672.394	507.636.974
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	44.706.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.479.182)	(65.579.992)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(58.131.967)	(383.484.064)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.920.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(50.980.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.748.553.424)</b>	<b>1.767.026.243</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(717.945.453)	(201.612.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.800.000.000)	(25.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	12.700.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.099.627.500	786.360.808
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(8.418.317.953)</b>	<b>(12.015.251.919)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.414.379.000	13.531.927.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.500.000)	(9.946.068.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.533.324)	(5.623.166.349)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.375.345.676</b>	<b>(2.037.307.349)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(13.791.525.701)</b>	<b>(12.285.533.025)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.452.998.195	26.368.087.434
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.661.472.494</b>	<b>14.082.554.409</b>

  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Nguyễn Ái Bình

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Lan Phương

**Người lập biểu**

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc  
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Mẫu số B 09 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 78,86%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

##### 4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### 4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

### **4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

## **4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **4.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

### 4.7 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

### ***Khấu hao***

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

- ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
  - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
  - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Đối với hoạt động xuất bản: Áp dụng mức thuế suất 10%
  - ✓ Đối với hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	691.906.408	588.743.316
Tiền gửi ngân hàng	4.969.566.086	6.719.788.621
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	-	12.144.466.258
<b>Cộng</b>	<b>5.661.472.494</b>	<b>19.452.998.195</b>

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.486.543.092	5.571.767.940	669.253.205	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475
+ Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	3.798.510.000	-	3.044.031.947	4.300.200.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	71.000	24.578	95.578	80.000	15.578
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	292.500.000	10.771.470	303.271.470	1.064.700.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	10.500.000	25.865.340	36.365.340	11.100.000	25.265.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	788.400.000	204.461.234	992.861.234	788.400.000	204.461.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	581.686.940	372.590.335	954.277.275	739.160.200	215.117.075
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	100.100.000	55.540.248	155.640.248	134.680.000	20.960.248
<b>Cộng</b>	<b>5.486.543.092</b>	<b>5.571.767.940</b>	<b>669.253.205</b>	<b>5.486.543.092</b>	<b>7.038.320.200</b>	<b>465.819.475</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

						30/06/2020				01/01/2020	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác					2.000.000.000	483.755.694			2.000.000.000	483.755.694	
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Nam (*)	Việt	Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	483.755.694	1,84%	1,84%	2.000.000.000	483.755.694
<b>Cộng</b>					<b>2.000.000.000</b>	<b>483.755.694</b>			<b>2.000.000.000</b>	<b>483.755.694</b>	

(\*) Cổ phiếu của Công ty nhận đầu tư này chưa được niêm yết và Công ty cũng không có được dữ liệu đáng tin cậy nào về giá thị trường của khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của công ty này, do đó dự phòng tạm trích lập căn cứ vào BCTC năm 2019.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

((Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ))

### 7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	7.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>-</b>

### 8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	1.253.543.632	1.034.164.712
Nhà sách Hoàng Sơn	3.311.310.870	223.191.010
Nhà sách Kim Ngân	2.572.059.261	724.313.944
Trạm phát hành Long Thành	2.687.530.367	353.801.772
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Long An	1.362.285.133	128.018.748
Các đối tượng khác	22.485.090.958	12.288.958.835
<b>Cộng</b>	<b>33.671.820.221</b>	<b>14.752.449.021</b>

#### *Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan*

<b>Công ty liên quan</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	67.475.560	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	6.910.040
Công ty CP Học liệu (EMCO)	12.320.501	34.109.067
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	312.657.915	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	327.097.420	304.706.967
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	1.035.834.020	11.269.660
Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	34.652.070	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	18.841.544	-
<b>Cộng</b>	<b>1.808.879.030</b>	<b>356.995.734</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	23.744.903	1.171.126.747
Công ty TNHH Xây dựng Hoàn Mỹ	5.231.530.954	968.000.000
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	1.962.130.671	2.313.383.359
Các đối tượng khác	219.314.005	400.217.579
<b>Cộng</b>	<b>7.436.720.533</b>	<b>4.852.727.685</b>

*Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan*

Công ty liên quan	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	49.197.573
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	23.744.903	1.171.126.747
Công ty CP Sách - Thiết bị giáo dục Bình Dương	-	89.716.450
<b>Cộng</b>	<b>23.744.903</b>	<b>1.310.040.770</b>

### 10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (bên liên quan) (**)	1.000.000.000	-
	<b>11.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Cho vay ngắn hạn Công ty CP Đầu tư CMC theo hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV-CMC ngày 01/10/2019; Thời gian vay từ 01/10/2019 đến 01/04/2020; Số tiền vay là 10.000.000.000 đồng; Lãi suất vay là 7,5%/năm. Hợp đồng này đã được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-CMC ngày 02/04/2020, thời gian gia hạn từ 02/04/2020 đến 02/10/2020.

(\*\*) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam theo hợp đồng vay vốn số 01/2020/HĐVV-VEPIC ngày 07/02/2020, thời gian vay từ 07/02/2020 đến 07/05/2020, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 7,5%/năm. Hợp đồng này đã được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ-VEPIC ngày 07/05/2020, thời gian gia hạn từ 07/05/2020 đến 07/08/2020.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	82.373.758	-
<i>Trong đó: Công ty CP Đầu tư CMC</i>	-	-	64.583.333	-
<i>(Bên liên quan)</i>				
Tạm ứng	1.066.005.455	-	755.420.743	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	399.719.661	-	431.458.895	-
Phải thu khác	90.800.297	29.000.000	30.919.440	29.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.556.525.413</b>	<b>29.000.000</b>	<b>1.300.172.836</b>	<b>29.000.000</b>

### 12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2020	01/01/2020
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	798.393.834	813.393.834
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	51.962.285	29.110.959
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	45.680.538
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	153.247.611	138.218.801
<b>Cộng</b>	<b>1.003.603.730</b>	<b>1.026.404.132</b>

### 13. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	776.969.550	-	729.592.550	-
Chi phí SX, KD dở dang	634.675.666	-	789.382.432	-
Thành phẩm	9.292.839.931	-	6.808.391.788	-
Hàng hóa	29.292.518.928	-	13.033.681.635	10.185.534
<b>Cộng</b>	<b>39.997.004.075</b>	<b>-</b>	<b>21.361.048.405</b>	<b>10.185.534</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2020.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2020.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 14. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	6.391.669
Chi phí bảo hiểm	24.001.136	15.117.095
Phần mềm quản lý	-	7.666.668
<b>Cộng</b>	<b>24.001.136</b>	<b>29.175.432</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	72.481.498	26.717.884
Chi phí tổ chức bán thảo	-	94.397.000
Chi phí thi công sửa chữa	-	59.864.712
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	5.981.247.320	6.044.207.816
<b>Cộng</b>	<b>6.053.728.818</b>	<b>6.225.187.412</b>

(\*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất thuê là 611,2 m<sup>2</sup> thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Theo đó Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm với số tiền 6.264.188.800 đồng. Mục đích sử dụng đất thuê: Thương mại, dịch vụ (TMD).

### 15. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	115.179.280	169.755.128	191.072.250	358.360.483	136.587.241	23.874.856
Thuế TNDN	146.823.525	38.131.967	211.729.461	58.131.967	35.116.283	80.022.219
Thuế TNCN	-	120.813.113	136.228.907	246.056.973	4.474.579	15.459.626
Tiền thuê nhà, thuê đất	-	-	44.199.013	44.199.013	-	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	45.386.460	-	36.386.460
<b>Cộng</b>	<b>262.002.805</b>	<b>328.700.208</b>	<b>592.229.631</b>	<b>752.134.896</b>	<b>176.178.103</b>	<b>155.743.161</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	10.873.291.886	90.782.720	3.824.257.939	78.820.000	157.704.488	15.024.857.033
Mua sắm trong kỳ	-	-	608.854.544	-	-	608.854.544
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.873.291.886</b>	<b>90.782.720</b>	<b>4.433.112.483</b>	<b>78.820.000</b>	<b>157.704.488</b>	<b>15.633.711.577</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu kỳ	5.682.584.921	90.782.720	2.541.736.029	78.820.000	157.704.488	8.551.628.158
Khấu hao trong kỳ	188.208.492	-	132.268.096	-	-	320.476.588
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.870.793.413</b>	<b>90.782.720</b>	<b>2.674.004.125</b>	<b>78.820.000</b>	<b>157.704.488</b>	<b>8.872.104.746</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	5.190.706.965	-	1.282.521.910	-	-	6.473.228.875
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.002.498.473</b>	<b>-</b>	<b>1.759.108.358</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.761.606.831</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 4.556.369.283 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 30/06/2020 là 801.426.593 đồng.

### 17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>77.700.000</b>	<b>6.545.856.872</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>77.700.000</b>	<b>77.700.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	6.468.156.872	-	6.468.156.872
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>-</b>	<b>6.468.156.872</b>

(\*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: Dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 77.700.000 đồng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020	01/01/2020
Dự án siêu thị sách	538.933.031	429.842.122
<b>Cộng</b>	<b>538.933.031</b>	<b>429.842.122</b>

### 19. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.918.594.128	1.228.975.128
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.895.456.402	4.833.072.182
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.965.289.360	5.774.979.960
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	9.374.256.052	-
Các đối tượng khác	14.853.944.294	7.567.659.889
<b>Cộng</b>	<b>36.007.540.236</b>	<b>19.404.687.159</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.965.289.360	5.774.979.960
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	477.400	477.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	97.027.768	89.754.918
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	54.465.558	199.000.668
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	45.047.240	16.235.160
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	144.425	430.811.745
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.693.926.200	46.504.467
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	424.192.593	146.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.918.594.128	1.228.975.128
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	78.830.000	78.830.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	161.048.266	49.727.966
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	137.978.387	74.477.897
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	-	45.273.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	220.851.000	108.897.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.007.136.663	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	500.179.861	730.436.741
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.895.456.402	4.833.072.182
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	9.374.256.052	191.513.500
Các đối tượng khác	31.734.200	195.786.515
<b>Cộng</b>	<b>27.606.635.503</b>	<b>14.241.382.920</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	81.550	564.206.425
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	10.211.056	546.559.056
Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Quán	1.512.851	599.274.747
Phòng Giáo Dục Trà Ôn	-	278.450.000
Các đối tượng khác	309.005.337	1.992.733.466
<b>Cộng</b>	<b>320.810.794</b>	<b>3.981.223.694</b>

### 21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí bản thảo, biên tập	420.032.829	1.257.837.829
Chi phí hoa hồng môi giới	598.217.447	981.916.910
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	-	5.000.000
Chi phí tiền vận chuyển	-	140.250.000
Chi phí khác	499.659.212	65.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.517.909.488</b>	<b>2.450.004.739</b>

### 22. Phải trả ngắn hạn khác

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Tài sản thừa chờ xử lý	2.190.102	-
Kinh phí công đoàn	10.226.599	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	40.895	-
Cổ tức phải trả	2.203.500	3.736.824
Quỹ bình ổn sách giáo khoa (*)	20.000.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	43.000.000
Thù lao phải trả cho HĐQT	18.400.000	18.400.000
Phải trả khác	154.817.178	172.522.162
<b>Cộng</b>	<b>20.230.878.274</b>	<b>237.658.986</b>

(\*) Tạm ứng ngân sách của Sở Công thương Tỉnh Đồng Nai để thực hiện chương trình bình ổn giá sách giáo khoa năm học 2020 – 2021 với số tiền 20 tỷ đồng theo Công văn số 4989/UBND-KTNS ngày 05/05/2020.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	68.747.350	470.747.350
<b>Cộng</b>	<b>68.747.350</b>	<b>470.747.350</b>

### 23. Vay và nợ thuê tài chính

#### a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>52.500.000</b>	<b>37.200.000</b>	<b>37.500.000</b>	<b>52.200.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	52.500.000	-	37.500.000	15.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	-	37.200.000	-	37.200.000
<b>Cộng</b>	<b>52.500.000</b>	<b>37.200.000</b>	<b>37.500.000</b>	<b>52.200.000</b>

#### b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>155.000.000</b>	<b>3.414.379.000</b>	<b>37.500.000</b>	<b>3.531.879.000</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long (*)	155.000.000	-	37.500.000	117.500.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long (**)	-	3.414.379.000	-	3.414.379.000
<b>Cộng</b>	<b>155.000.000</b>	<b>3.414.379.000</b>	<b>37.500.000</b>	<b>3.531.879.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	52.500.000			52.200.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>102.500.000</b>			<b>3.479.679.000</b>

(\*) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo Hợp đồng cho vay số 49.15/2019-HĐCVTL/NHCT800-CONGTYSACH-TB ngày 25/04/2019 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền vay là 150.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán chi phí mua xe ô tô tải.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

(\*\*) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 238/HĐTD-VLO.KH ngày 04/06/2020 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, số tiền vay là 374.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán chi phí mua xe ô tô 7 chỗ.
- Hợp đồng cho vay số 295/HĐTD-VLO.KH ngày 15/06/2020 với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, số tiền vay là 10.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,5%/năm và được cố định 24 tháng kể từ ngày giải ngân, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán chi phí xây dựng Dự án siêu thị sách.

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	41.370.000.000	2.231.928.660	(679.873.904)	5.215.707.299	10.427.061.253
Điều chỉnh hợp nhất		16.109.735	-	(161.069.655)	200.535.940
Tăng trong năm	-	-	-	49.304.371	3.857.225.359
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.988.779.085
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>2.248.038.395</b>	<b>(679.873.904)</b>	<b>5.103.942.015</b>	<b>5.496.043.467</b>
Số dư tại 01/01/2020	41.370.000.000	2.248.038.395	(679.873.904)	5.103.942.015	5.496.043.467
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	752.585.562
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2020</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>2.248.038.395</b>	<b>(679.873.904)</b>	<b>5.103.942.015</b>	<b>6.248.629.029</b>

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>41.370.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### c. Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	5.496.043.467	10.427.061.253
Lợi nhuận sau thuế năm này	752.585.562	3.857.225.359
Điều chỉnh do hợp nhất		200.535.940
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	4.945.779.085
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	49.304.371
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	9.860.874
- Thù lao cho HĐQT, Ban KS	-	35.013.840
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	4.851.600.000
Phân phối lợi nhuận năm này	-	4.043.000.000
- Chia cổ tức		4.043.000.000
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>6.248.629.029</b>	<b>5.496.043.467</b>

### 25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	23.131.678.991	40.615.323.085
Doanh thu bán hàng hóa	23.380.009.109	43.648.742.505
Doanh thu dịch vụ	389.648.184	738.545.456
Doanh thu khác	102.658.623	36.529.113
<b>Cộng</b>	<b>47.003.994.907</b>	<b>85.039.140.159</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Hàng bán bị trả lại	1.127.845	43.607.060
Chiết khấu thương mại	388.437.493	921.285.477
	<b>389.565.338</b>	<b>964.892.537</b>

### 27. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	18.942.194.297	33.937.818.927
Giá vốn của hàng hóa	18.719.199.579	37.485.721.523
Giá vốn hoạt động khác	723.227.765	6.259.000
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10.185.534)	185.688.917
<b>Cộng</b>	<b>38.374.436.107</b>	<b>71.615.488.367</b>

### 28. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	623.083.742	361.969.370
Cổ tức từ chứng khoán kinh doanh	357.870.000	357.870.000
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	-	9.196.800
Cổ tức từ hoạt động hợp tác kinh doanh	36.300.000	36.300.000
<b>Cộng</b>	<b>1.017.253.742</b>	<b>765.336.170</b>

### 29. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	203.433.730	264.539.531
Chi phí lãi vay	7.479.182	64.595.616
<b>Cộng</b>	<b>210.912.912</b>	<b>329.135.147</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền lương, các khoản trích theo lương	2.438.597.552	3.306.429.881
Chi phí vận chuyển	802.117.286	1.107.902.807
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	81.150.355	32.093.540
Các khoản khác	848.140.509	1.030.536.377
<b>Cộng</b>	<b>4.170.005.702</b>	<b>5.476.962.605</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền lương, các khoản trích theo lương	2.003.759.056	2.758.829.945
Khấu hao TSCĐ	105.421.699	109.529.771
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	184.649.173	251.493.243
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(22.800.402)	35.075.310
Các khoản khác	1.348.747.388	1.870.339.906
<b>Cộng</b>	<b>3.619.776.914</b>	<b>5.025.268.175</b>

### 31. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	1.956.648	204.775
Các khoản khác	68.526.189	78.789.171
<b>Cộng</b>	<b>70.482.837</b>	<b>78.993.946</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.252.836.287	2.382.491.879
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	264.577.916	(99.577.835)
- Các khoản điều chỉnh tăng	622.447.916	258.292.165
+ Lợi thế thương mại phân bổ	65.936.680	65.936.680
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	204.775
+ Lỗi tại Công ty con	555.360.588	192.150.710
+ Các khoản khác	1.150.648	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	357.870.000	357.870.000
+ Cổ tức được chia	357.870.000	357.870.000
Tổng thu nhập chịu thuế	1.517.414.203	2.282.914.044
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>211.729.461</b>	<b>309.830.010</b>

### 33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	752.585.562	1.498.630.390
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	752.585.562	1.498.630.390
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>186</b>	<b>371</b>

### 34. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	628.635.878	1.000.428.544
Chi phí nhân công	4.473.439.608	5.384.842.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	320.476.588	361.159.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.927.704	1.944.990.866
Chi phí khác bằng tiền	1.685.342.750	3.692.531.461
<b>Cộng</b>	<b>8.217.822.528</b>	<b>12.383.951.985</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng quản trị đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

### 36. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	36.007.540.236	-	36.007.540.236
Chi phí phải trả	1.517.909.488	-	1.517.909.488
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	52.200.000	3.479.679.000	3.531.879.000
Phải trả khác	20.218.420.678	68.747.350	20.287.168.028
<b>Cộng</b>	<b>57.796.070.402</b>	<b>3.548.426.350</b>	<b>61.344.496.752</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	19.404.687.159	-	19.404.687.159
Chi phí phải trả	2.450.004.739	-	2.450.004.739
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	52.500.000	102.500.000	155.000.000
Phải trả khác	237.658.986	470.747.350	708.406.336
<b>Cộng</b>	<b>22.144.850.884</b>	<b>573.247.350</b>	<b>22.718.098.234</b>

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	5.661.472.494	-	5.661.472.494
Phải thu khách hàng	32.697.216.491	-	32.697.216.491
Phải thu về cho vay	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Đầu tư tài chính	12.617.289.887	1.516.244.306	14.133.534.193
Phải thu khác	461.519.958	-	461.519.958
<b>Cộng</b>	<b>62.437.498.830</b>	<b>1.516.244.306</b>	<b>63.953.743.136</b>
<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và khoản tương đương tiền	19.452.998.195	-	19.452.998.195
Phải thu khách hàng	13.755.044.889	-	13.755.044.889
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính	5.020.723.617	1.516.244.306	6.536.967.923
Phải thu khác	515.752.093	-	515.752.093
<b>Cộng</b>	<b>48.744.518.794</b>	<b>1.516.244.306</b>	<b>50.260.763.100</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 37. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Day nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông CN Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư CMC	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	Chung công ty đầu tư



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

<b>Công ty liên quan</b>	<b>6 tháng đầu năm 2020</b>	<b>6 tháng đầu năm 2019</b>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	321.106.815	139.602.890
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	871.000
Công ty CP Học liệu (EMCO)	12.320.500	33.148.386
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	67.475.560	116.886.480
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	26.978.900	229.514.830
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	-	17.030.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	961.232.400	1.365.304.980
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	344.547.860	1.830.937.960
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	75.957.440
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	186.468.710	180.551.721
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	152.756.310	83.469.060
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	1.035.889.000	50.863.360
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	211.067.661	332.791.282
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	35.242.020	69.146.668
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	427.541.490	655.501.833
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.690.482.200	5.115.525.180
Tạp Chí Toán học và Tuổi trẻ	-	7.043.400
Tạp chí Toán tuổi thơ	-	1.100.225
Công ty CP Sách Dân tộc	7.272.850	110.119.080
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	3.392.640	83.228.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	22.374.000	118.718.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.332.680	163.258.344
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	10.893.495.050	828.980.450
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	-	25.652.040
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	773.035.000	1.369.758.909
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	1.960.160.168
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	111.320.300	39.537.960
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	11.166.000	124.598.700
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	282.452.960	408.193.340
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	11.388.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	17.076.322.936	446.825.401
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.130.975.520	1.504.671.170
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.402.887.280	520.823.940
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	36.543.600
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	216.256.800	3.680.356.050
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	10.679.611.280	220.650.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
<b>Cho vay</b>		
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	-	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - TBGD Việt Nam	1.000.000.000	-

**c. Các giao dịch khác**

		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	306.849.000	299.198.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	81.000.000	81.900.000

**38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**


Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**39. Số liệu so sánh**


Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

  
**Phó Tổng Giám đốc**  
  
**Nguyễn Ai Bình**

**Kế toán trưởng**

  
**Nguyễn Thị Lan Phương**

**Người lập biểu**

  
**Đỗ Thị Ngọc Hà**

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2020